



**TRƯỜNG ĐH KT Y TẾ
HẢI DƯƠNG**

BỘ Y TẾ



**CỤC KHOA HỌC CÔNG
NGHỆ VÀ ĐÀO TẠO**

BÁO CÁO TÓM TẮT DỰ THẢO
CHUẨN CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
KỸ THUẬT XÉT NGHIỆM Y HỌC VIỆT NAM

BAN SOẠN THẢO



Hải Dương, ngày 29 tháng 12 năm 2022

NỘI DUNG TRÌNH BÀY

**NỘI
DUNG
CHÍNH**

1

**QUÁ
TRÌNH
XÂY
DỰNG
DỰ
THẢO**

2

**TÓM
TẮT NỘI
DUNG
DỰ
THẢO**

**PHẦN 1. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO
CHUẨN CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH
KTXNYH
TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC**

CÁC BƯỚC TIÊN HÀNH

1. Thành lập Ban chỉ đạo, Ban biên soạn,...

• Quyết định thành lập

2. Xác định nhóm năng lực dựa trên chuẩn NL KTXNYH Việt Nam

• Bảng xác định CDR CTĐT từ các nhóm năng lực

3. Thu thập, phân tích các tài liệu liên quan

- Các QĐ Bộ GDĐT trong XD chuẩn CTĐT và CTĐT
- Các qui định về lĩnh vực XN của BHYT
- Các CTĐT CNXNYH trên TG
- Các CTĐT CNXNYH các trường ở VN

4. Lấy ý kiến đóng góp bang phiếu

- Các Hội nghề nghiệp
- Các trường ĐH đào tạo XN
- Các bệnh viện TƯ, tỉnh, huyện, PK, BV tư (Người sử dụng LĐ, cựu SV)
- Sinh viên

5. Hội thảo lấy ý kiến

Hoàn thiện Dự thảo sau hội thảo

6. Thông qua các Hội đồng cấp nhà trường (nếu cần)

Hoàn thiện Dự thảo sau Hội đồng

7. Thông qua Hội đồng Bộ Y tế

• Phê duyệt, Ban hành

THÔNG TƯ

Quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học

Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2019;
Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18 tháng 6 năm 2012;
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19 tháng 11 năm 2018;
Căn cứ Nghị định số 69/2017/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giáo dục và Đào tạo;
Căn cứ Nghị định số 141/2013/NĐ-CP ngày 24 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giáo dục đại học;
Căn cứ Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;
Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Giáo dục đại học,
Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Thông tư quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học.

PHỤ LỤC

(Kèm theo Thông tư số: *AT* /2021/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

QUY TRÌNH XÂY DỰNG CHUẨN CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Bước 1: Thu thập, biên dịch, so sánh, phân tích các tài liệu mô tả các dịch vụ, hoạt động, công việc của ngành đào tạo;

Thu thập, rà soát, biên dịch, phân tích các tài liệu mô tả các dịch vụ, hoạt động, công việc của ngành đào tạo của một số quốc gia trên thế giới;

Thu thập, rà soát, tổng hợp các văn bản quy phạm pháp luật của Việt Nam liên quan tới nghề nghiệp ngành đào tạo;

Đối chiếu với kết quả phân tích tài liệu liên quan đến nhiệm vụ của loại nhân lực ngành đào tạo tại Việt Nam, so sánh điểm giống và khác nhau.

Bước 2: Khảo sát, xây dựng danh mục các nhóm công việc của loại nhân lực dựa trên kết quả phân tích dữ liệu thứ cấp; Tổng hợp và thống nhất danh mục các nhóm dịch vụ, hoạt động, công việc của loại nhân lực ngành đào tạo.

Bước 3: Khảo sát, thu thập ý kiến, quan điểm của các bên liên quan (nhà quản lý, giới chuyên môn, cơ sở đào tạo, đơn vị sử dụng lao động) đối với danh mục các nhóm công việc của loại nhân lực ngành đào tạo;

Viết dự thảo báo cáo kết quả danh mục các nhóm công việc và nhu cầu năng lực (các năng lực cần thiết để thực hiện các nhóm công việc) của loại nhân lực ngành đào tạo.

Bước 4: Xây dựng dự thảo chuẩn chương trình đào tạo (dựa trên quy định chuẩn chương trình đào tạo các ngành, khối ngành theo trình độ và các năng lực nghề nghiệp theo ngành đào tạo);

Xây dựng phiếu khảo sát về chuẩn chương trình đào tạo và tính khả thi áp dụng chuẩn chương trình đào tạo phát triển chương trình cho loại nhân lực ngành đào tạo tại Việt Nam dựa trên kết quả điều tra, khảo sát, phỏng vấn.

Bước 5: Khảo sát ý kiến của các bên liên quan (nhà quản lý, giới chuyên môn, cơ sở đào tạo, đơn vị sử dụng và bản thân loại nhân lực ngành đào tạo) về dự thảo chuẩn chương trình đào tạo và khả năng áp dụng đối với loại nhân lực ngành đào tạo tại Việt Nam.

Bước 6: Hoàn thiện dự thảo chuẩn chương trình đào tạo và khả năng áp dụng đối với loại nhân lực ngành đào tạo tại Việt Nam dựa vào kết quả khảo sát.

Bước 7: Hoàn thiện dự thảo chuẩn chương trình đào tạo và báo cáo kết quả rà soát, nghiên cứu, phân tích nhu cầu năng lực loại nhân lực ngành đào tạo tại Việt Nam, trình Bộ Giáo dục và Đào tạo.

1. THÀNH LẬP CÁC BAN

Chuyên phó Khoa Dược
Chuyên phó Khoa Xét Nghiệm
Chuyên trưởng Khoa Xét Nghiệm

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 05 tháng 7 năm 2022

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ HẢI DƯƠNG
Số: 58/22
Kính gửi: 07 cơ sở giáo dục đại học trực thuộc Bộ Y tế (Phụ lục đính kèm)

Ngày 18/9/2020 Bộ trưởng Bộ Y tế đã ban hành Quyết định số 4018/QĐ-BYT về việc Ban hành Kế hoạch hoạt động triển khai thực hiện Quyết định số 436/QĐ-TTg ngày 30 tháng 03 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ thực hiện Khung trình độ quốc gia Việt Nam đối với các trình độ của giáo dục đại học thuộc khối ngành sức khỏe, giai đoạn 2020 - 2025. Trong đó Bộ trưởng Bộ Y tế có phân công cho 07 cơ sở giáo dục đại học trực thuộc Bộ làm đầu mối xây dựng 11 chuẩn chương trình đào tạo.

Ngày 22/6/2021, Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo đã ban hành Thông tư số 17/2021/BGD&ĐT Quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chuẩn chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học. Trong đó có quy định về việc thành lập Hội đồng tư vấn khối ngành do Bộ chủ quản thành lập để tư vấn xây dựng chuẩn chương trình đào tạo cho các ngành trong giáo dục đại học, trình Bộ Giáo dục và Đào tạo để thẩm định, ban hành.

PHỤ LỤC
Đầu mối xây dựng các chuẩn chương trình đào tạo
thuộc khối ngành Sức khỏe

TT	Tên chuẩn chương trình đào tạo	Thời gian hoàn thành	Cơ sở Giáo dục đại học đầu mối
1	Bác sĩ y khoa (đa khoa)	QIV/2022	Trường Đại học Y Hà Nội
2	Bác sĩ Răng Hàm Mặt	QIV/2022	Đại học Y Dược TP Hồ Chí Minh
3	Bác sĩ Y học cổ truyền	QIV/2022	Học viện Y Dược học cổ truyền Việt Nam
4	Dược sĩ	QIV/2022	Trường Đại học Dược Hà Nội
5	Cử nhân Điều dưỡng	QIV/2022	Trường Đại học Điều dưỡng Nam Định
6	Cử nhân Hộ sinh	QIV/2022	Trường Đại học Điều dưỡng Nam Định
7	Cử nhân Kỹ thuật xét nghiệm y học	QIV/2022	Trường Đại học Kỹ thuật Y tế Hải Dương
8	Cử nhân Kỹ thuật hình ảnh y học	QIV/2022	Trường Đại học Kỹ thuật Y tế Hải Dương
9	Cử nhân Kỹ thuật Phục hồi chức năng	QIV/2022	Đại học Y Dược TP Hồ Chí Minh
10	Cử nhân Y tế công cộng	QIV/2022	Trường Đại học Y tế công cộng
11	Cử nhân Dinh dưỡng	QIV/2022	Trường Đại học Y Hà Nội

DANH SÁCH THÀNH VIÊN BAN CHỈ ĐẠO XÂY DỰNG
CHUẨN CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
CỬ NHÂN KỸ THUẬT XÉT NGHIỆM Y HỌC
(Kèm theo Quyết định số 413 /QĐ- ĐHKTYTHD ngày 04/7/2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kỹ thuật Y tế Hải Dương)

TT	Họ tên	Chức vụ/Đơn vị	Nhiệm vụ
1.	PGS.TS. Đinh Thị Diệu Hằng	Hiệu trưởng	Trưởng ban
2.	ThS. Ngô Thị Thảo	Phụ trách khoa Xét nghiệm	Ủy viên TK
3.	TS. Lê Đức Thuận	Trưởng phòng QLĐT	Ủy viên
4.	PGS.TS. Vũ Đình Chính	Nguyên CT HDT, nguyên HT	Ủy viên
5.	TS. Phạm Thị Cẩm Hưng	Phó Hiệu trưởng	Ủy viên
6.	ThS. Nguyễn Thị Nga	Trưởng phòng TCCB	Ủy viên
7.	TS. Đinh Thị Xuyên	Trưởng phòng QLKHNC&HTQT	Ủy viên
8.	ThS. Nguyễn Thị Thanh Hương	Trưởng phòng KT&ĐCCLGD	Ủy viên
9.	ThS. Vũ Thị Ánh	Trưởng phòng TCKT	Ủy viên

DANH SÁCH THÀNH VIÊN BAN CHỈ ĐẠO XÂY DỰNG
CHUẨN CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
CỬ NHÂN KỸ THUẬT XÉT NGHIỆM Y HỌC
(Kèm theo Quyết định số 413 /QĐ- ĐHKTYTHD ngày 04/7/2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kỹ thuật Y tế Hải Dương)

TT	Họ tên	Chức vụ/Đơn vị	Nhiệm vụ
1.	PGS.TS. Đinh Thị Diệu Hằng	Hiệu trưởng	Trưởng ban
2.	ThS. Ngô Thị Thảo	Phụ trách khoa Xét nghiệm	Ủy viên TK
3.	TS. Lê Đức Thuận	Trưởng phòng QLĐT	Ủy viên
4.	PGS.TS. Vũ Đình Chính	Nguyên CT HDT, nguyên HT	Ủy viên
5.	TS. Phạm Thị Cẩm Hưng	Phó Hiệu trưởng	Ủy viên
6.	ThS. Nguyễn Thị Nga	Trưởng phòng TCCB	Ủy viên
7.	TS. Đinh Thị Xuyên	Trưởng phòng QLKHNC&HTQT	Ủy viên
8.	ThS. Nguyễn Thị Thanh Hương	Trưởng phòng KT&ĐCCLGD	Ủy viên
9.	ThS. Vũ Thị Ánh	Trưởng phòng TCKT	Ủy viên

XÁC ĐỊNH SỰ CẦN THIẾT

Đối với xã hội:

- Tăng cường sự giám sát của người học, gia đình NH.

Đối với cơ sở đào tạo:

- Thống nhất, Chuẩn hoá việc dạy và học
- Làm cơ sở cho sinh viên
- Làm cơ sở để phát triển và đánh giá CTĐT

Đối với cơ sở sử dụng

- Xác định phạm vi hành nghề.
- Xác định trách nhiệm và nghĩa vụ nghề.
- Xác định tuyển dụng.

Hội nhập quốc tế:

Cơ sở để so sánh, hội nhập

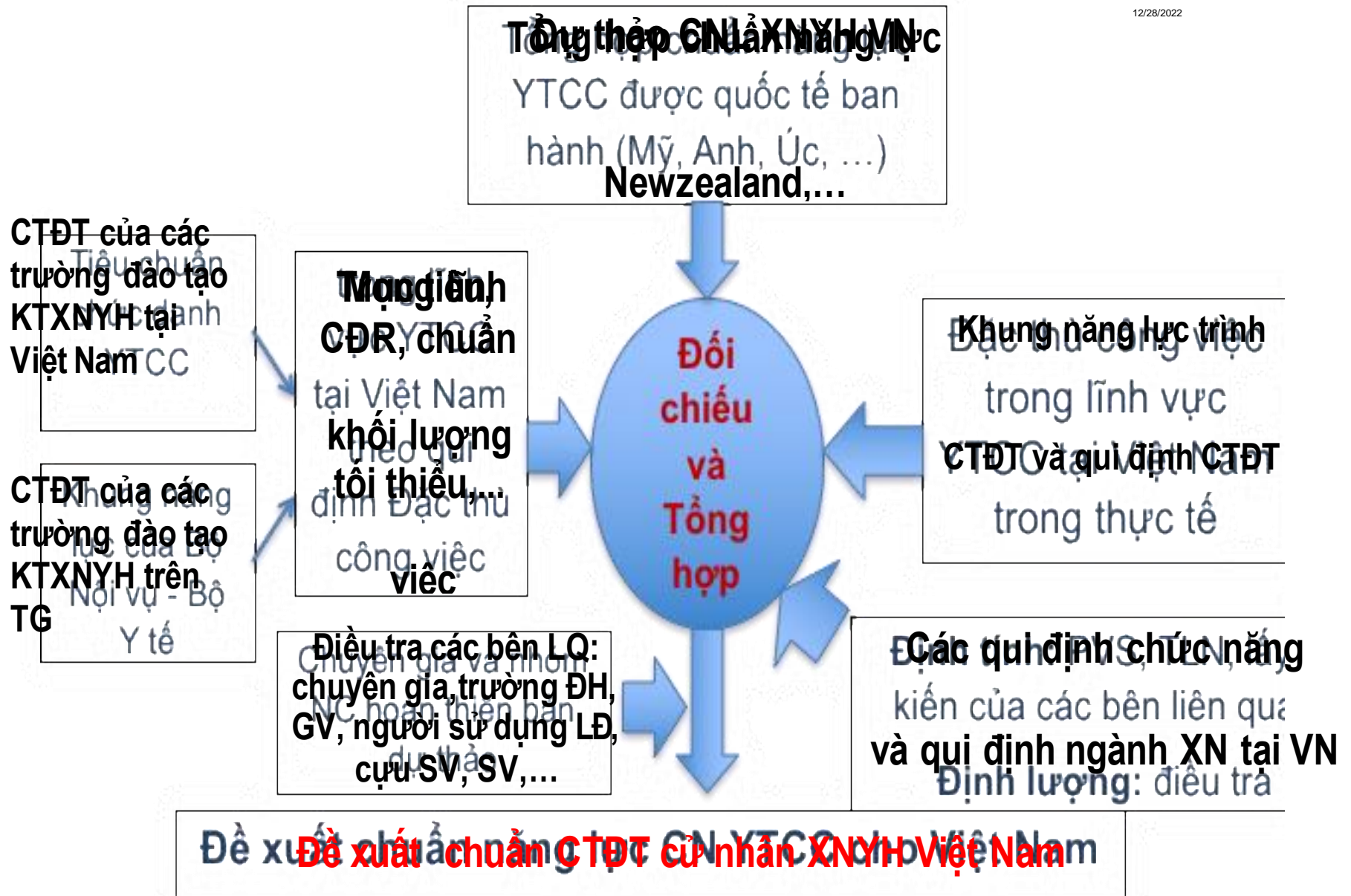
Đối với sinh viên

Tự hoàn thiện và phát triển năng lực, xác định cho quá trình học tập

XÁC ĐỊNH CÁCH TIẾP CẬN

12/28/2022

7



2. THU THẬP, XÁC ĐỊNH CƠ SỞ XÂY DỰNG



Luật GD ĐH:

- Luật Giáo dục học Đại học số 08/2012;
- Luật số 34/2018/QH14 về sửa đổi, bổ sung;
- Nghị định số 99/NĐ-CP/2019 hướng dẫn thi hành.

Quy định CP:

- QĐ1982/QĐ-TTg/2016 Khung Khung TĐQGVN (Bậc 6)
- QĐ 436/2020/QĐ-TTg KHTH Khung TĐQGVN đối với các trình độ của giáo dục đại học, giai đoạn 2020 - 2025

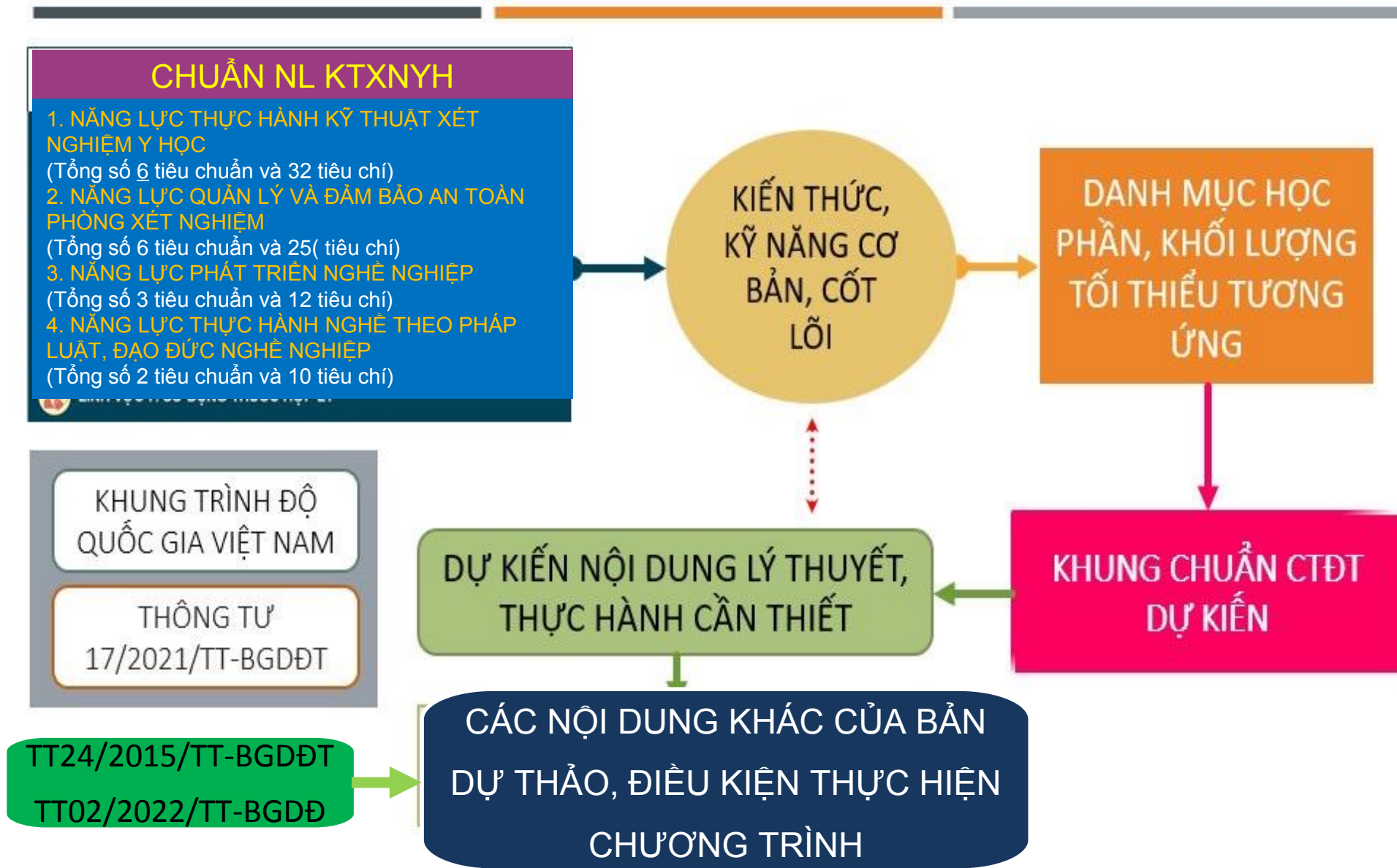
Quy định bộ GD và ĐT

- TT24/2017/TT-BGDĐT Danh mục GD, ĐT cấp IV TĐ ĐH
- TT02/2022/TT- BGDĐT Quy định đk, trình tự, thủ tục mở mã ngành ĐT, trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ.
- **TT17/2021/TT- BGDĐT QĐ về chuẩn CTĐT.**
- TT 24 /2015/TT-BGDĐT QĐ chuẩn QG đối với CSGDDH.
- CV3056/2019/BGDĐT HD thực hiện CT môn LLCT
- TT08 /2021/TT-BGDĐT Quy chế đào tạo trình độ đại học

Quy định BHYT:

- QĐ 4018/2020/QĐ-BYT KHHD triển khai QĐ 436/QĐ - TTg
- TTLT 26/2015/TTLT-BYT-BNV được bổ sung thêm TT 03/2022/TT-BYT QĐ MS, chuẩn chức danh DD,HS, KTY

2. THU THẬP XÂY DỰNG DỰ THẢO



3. TỔNG HỢP PHÂN TÍCH TÀI LIỆU

12/28/2022

10

**Các
quyết
định,
qui
định
trong
thực
hành
XN**

1. TTLT 26/2015/TTLT-BYT-BNV được bổ sung thêm thông tư 03/2022/TT-BYT của BYT quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh KTY.
2. TT 01/2013/TT-BYT Hướng dẫn BDCLXN đối với các cơ sở KCB và QĐ 2429/ 2017 - QĐ-BYT Tiêu chí đánh giá mức chất lượng PXNYH
3. TT 49/2018/TT-BYT, Hướng dẫn hoạt động XN tại các cơ sở y tế, quy định nhiệm vụ của KTVXN
4. TT 40/2018-TT-BYT Quản lý mẫu bệnh phẩm truyền nhiễm của Bộ Y tế.

3.1. TỔNG HỢP PHÂN TÍCH TÀI LIỆU TỪ CHUẨN NLXN

MA TRẬN NĂNG LỰC		NĂNG LỰC														
CN KỸ THUẬT XÉT NGHIỆM Y HỌC (trình độ đại học)	Dạng (HV/TH)	STT chuẩn đầu ra	Thời lượng (h)	Học tập tại trường (C)/ Thực tập (S)	Năng lực thực hành kỹ thuật xét nghiệm y học				NL quản lý và đảm bảo an toàn phòng xét nghiệm				NL phát triển nghề nghiệp	NLT Hng hệ theo PL đạo đức nghề nghiệp		
					Ứng dụng các kiến thức khoa học cơ bản, y học cơ sở, bệnh	Tổ chức, thực hiện được các qui trình trước xét nghiệm	Thực hiện đúng qui trình các xét nghiệm thông thường và	Thực hiện đúng các giá trị, quy trình ở giai đoạn sau xét	Tham gia tư vấn, giáo dục sức khỏe cho người bệnh và cộng	Giao tiếp hiệu quả với người bệnh/khách hàng và đồng	Tham gia quản lý và duy trì hệ thống thiết bị vật tư hoá	Tham gia quản lý và tổ chức tài liệu và hồ sơ trong phòng xét			Tham gia quản lý nhân sự trong phòng xét nghiệm	Tham gia công tác quản lý thông tin phòng xét nghiệm
CHUẨN ĐẦU RA																
	Dạng (HV/TH)															
	TT chuẩn đầu ra															
	Thời lượng (h)															
	Học tập tại trường (C)/ Thực tập (S)															
	ELO1: Ứng dụng các kiến thức khoa học cơ bản, y học cơ sở, bệnh học và chuyên ngành các lĩnh vực Xét nghiệm, Quản lý chất lượng và an toàn phòng xét nghiệm trong thực hành Kỹ thuật Xét nghiệm Y học.					X	X	X	X							
	ELO2: Năng lực thực hành thành thạo chuyên môn Xét nghiệm									X	X	X	X			
	ELO3: Tham gia vào hệ thống quản lý chất lượng xét nghiệm và đảm bảo an toàn trong quá trình thực hiện công tác xét nghiệm trên bằng chứng khoa học					X	X	X	X	X	X	X	X			
	ELO4: Giao tiếp, tư vấn cho người bệnh và cộng đồng trong lĩnh vực xét nghiệm lấy người bệnh làm trung tâm					X	X	X	X	X	X	X	X	X		
	ELO5: Thiết lập môi trường làm việc an toàn, hiệu quả; Phối hợp và làm việc nhóm.					X	X	X	X	X	X	X	X	X		
	ELO6: Phát triển nghề nghiệp															
	ELO7: Hành nghề theo quy định pháp luật và tiêu chuẩn đạo đức nghề nghiệp.					X	X	X	X	X	X	X	X	X		

Dự thảo CNL XNYH VN/2020	Các CDR XNYH
LV 1. Năng lực thực hành kỹ thuật XNYH TC1. Ứng dụng các kiến thức khoa học cơ bản, y học cơ sở, bệnh học và chuyên ngành trong thực hành Kỹ thuật Xét nghiệm Y học. TC2-4. Tổ chức, thực hiện được các qui trình trước, trong và sau XN TC5. Tham gia tư vấn, giáo dục sức khỏe cho người bệnh và cộng đồng trong lĩnh vực xét nghiệm TC6. Giao tiếp hiệu quả với, người bệnh/khách hàng phối hợp với người bệnh, khách hàng, đồng nghiệp và những người liên quan để nâng cao chất lượng xét nghiệm và đồng nghiệp	Thực hành kỹ thuật XNYH 12/28/2022 11 - Ứng dụng các kiến thức khoa học cơ bản, y học cơ sở, bệnh học và chuyên ngành các lĩnh vực Xét nghiệm, Quản lý chất lượng và an toàn phòng xét nghiệm trong thực hành Kỹ thuật Xét nghiệm Y học. - Năng lực thực hành thành thạo chuyên môn Xét nghiệm - Giao tiếp, tư vấn cho người bệnh và cộng đồng trong lĩnh vực xét nghiệm lấy người bệnh làm trung tâm Thiết lập môi trường làm việc an toàn, hiệu quả; Phối hợp và làm việc nhóm.
LV 2. Năng lực quản lý và ĐBAT PXN TC 7-11. Tham gia HT QL CLXN và ATSH PXN	Quản lý và ĐBAT PXN Tham gia vào hệ thống quản lý chất lượng xét nghiệm và đảm bảo an toàn trong quá trình thực hiện công tác xét nghiệm trên bằng chứng khoa học.
LV3: Năng lực phát triển nghề nghiệp TC 13. Duy trì và phát triển năng lực nghề nghiệp TC14. Nghiên cứu khoa học và thực hành dựa vào bằng chứng	Phát triển nghề nghiệp - Phát triển nghề nghiệp - Duy trì và phát triển năng lực cho bản thân
LV 4: Năng lực hành nghề theo pháp luật và đạo đức nghề nghiệp TC15: Hành nghề theo quy định của pháp luật TC16: Hành nghề theo tiêu chuẩn đạo đức nghề nghiệp	Hành nghề theo pháp luật và đạo đức nghề nghiệp - Hành nghề theo pháp luật và đạo đức nghề nghiệp

3.2. TỔNG HỢP PHÂN TÍCH TÀI LIỆU

**Các quyết
định, qui
định trong
thực hành
Xét nghiệm**

Thông tư 49/2018	Chuẩn chức danh nghề nghiệp KT YH VN theo TT 26/2015, BS TT03/2022	Tổng hợp NHÓM NĂNG LỰC yêu cầu để XD CDR
<p>1. Lấy mẫu, thực hiện XN. 2. Pha chế các thuốc thử. 3,4. Lĩnh, bảo quản, chuẩn bị các dụng cụ, hoá chất. a) Kiểm tra kết quả; b) Ký kết quả xét nghiệm;</p>	<p>1. Thực hiện chuyên môn kỹ thuật y - Tổ chức đón tiếp, hướng dẫn, chuẩn bị người bệnh, thu nhận, bảo quản, vận chuyển mẫu; - Chuẩn bị, kiểm tra, giám sát dụng cụ, hoá chất; - Thực hiện các quy trình kỹ thuật chuyên môn; phối hợp thực hiện các kỹ thuật phức tạp;</p>	<p>Thực hành kỹ thuật Xét nghiệm - Tổ chức, thực hiện quá trình ^{12/28/2022}trước xét nghiệm (tiếp đón, thu thập mẫu bệnh phẩm, tiếp nhận, từ chối mẫu), trong xét nghiệm (..)</p>
<p>5. Thống kê, lưu trữ kết quả xét nghiệm</p>		<p>- Tổ chức, thực hiện rà soát, báo cáo, duyệt kết quả XN)</p>
<p>d) Tham gia quản lý chất lượng xét nghiệm</p>	<p>-Tổ chức, thực hiện, kiểm tra, giám sát, đánh giá việc thực hiện chế độ kiểm soát nhiễm khuẩn và an toàn;-Tổ chức, thực hiện bảo đảm an toàn</p>	<p>- Thực hiện an toàn PXN (Hoá chất, sinh học, xử lý rác, ...) - Xử lý tình trạng khẩn cấp</p>
<p>c) Tham gia hội chẩn, kiểm thảo tử vong;</p>		<p>- Thực hiện quản lý chất lượng</p>
<p>d) Tham gia hỗ trợ kỹ thuật, cho tuyến dưới.</p>	<p>Quản lý hoạt động chuyên môn: - Lập kế hoạch quản lý, kiểm kê, báo cáo; - Sử dụng, hướng dẫn sử dụng, bảo quản TTB; - Tham gia kiểm tra, đánh giá chuyên môn</p>	<p>Quản lý Lập kế hoạch quản lý Sử dụng, hướng dẫn sử dụng Tổ chức thực hiện, giám sát, kiểm tra</p>
	<p>Phối hợp trong chẩn đoán và điều trị: Tham gia hội chẩn khi được phân công.</p>	<p>- Phối hợp trong chẩn đoán và điều trị - Tham gia hội chẩn</p>
	<p>Bảo vệ quyền lợi của người bệnh: Bảo đảm kết quả xét nghiệm chính xác;</p>	<p>- Đạo đức nghề nghiệp - Thực hiện đảm bảo chất lượng XN</p>
	<p>Thực hiện quyền của người bệnh, cá nhân/tổ chức gửi mẫu xét nghiệm theo quy định của pháp luật</p>	<p>- Đạo đức nghề nghiệp</p>

3.2. TỔNG HỢP PHÂN TÍCH TÀI LIỆU

1. Bachelor of Science Program in Medical Technology, Faculty of Medical Technology, Mahidol University, Thailand, 2021.
2. Course Prospectus with Descriptions of Bachelor of Science in Medical Technology, Faculty of Pharmacy, university of Santo tomas, Philipin. 2021
3. Program requirements of Bachelor of Medical Laboratory Science (BMLSc), Otago University, Newzeland, 2022.
4. Bachelor of Medical Laboratory Technology of QUT University, Ustralia. 2018
5. Program of Study for 2023-24 Academic Year- Medical Laboratory technique, Cambrian College, Canada.
6. B. Sc. in Medical Laboratory Technology, West Bengal university of technology, India. 2018

Tiếp cận
CTĐT
XNYH
trên thế
giới

3.2. TỔNG HỢP PHÂN TÍCH TÀI LIỆU

Tiếp cận CTĐT XNYH trên thế giới

ĐH Mahidol (Thái Lan)	ĐH Santo Tomas (Philipin)	ĐH Otago (Newzeland)	ĐH QUT (Úc)	ĐH ¹² 8/2022 Cambrian (Canada)	ĐH ¹⁴ Makautwb (Ấn Độ)
I. Mục tiêu					
có kiến thức, năng lực thực hành các kỹ thuật XNYH cơ bản và chuyên sâu	Thành nhà KH chẩn đoán PT, phân tích KSCL, phục vụ BN liên quan XN,..., các GV học thuật, KHNC, ...	với tư cách là nhà khoa học trong XNYH ở New Zealand và ở quốc gia khác			
II. Chuẩn đầu ra					
10	7	CĐR môn học	CĐR môn học	CĐR môn học	CĐR môn học
III. Cấu trúc CTDH					
145 (Theo các khối KT)	133 (Theo các khối KT)	486 (theo điểm)	140 (Theo các khối KT)	154 (Theo các khối KT)	144 (Theo các khối KT)
IV. Kế hoạch học tập					
8 kỳ chính/4 năm (Kèm các HK phụ)	8 kỳ chính/4 năm (Kèm các HK phụ)	8 kỳ chính/4 năm (Kèm các HK phụ)	8 kỳ chính/4 năm (Kèm các HK phụ)	6 kỳ chính/3 năm (Kèm các HK phụ)	8 kỳ chính/4 năm (Kèm các HK phụ)
V. Phương pháp học tập					
- Giảng LT: HT trải nghiệm, tương tác - Giảng TH: Nghiên cứu ca bệnh, PBL,...	- Giảng LT:TL nhóm, Seminar - Giảng TH: Thị phạm, thuyết trình, ...	- Giảng LT: TL nhóm Seminar - Giảng TH: Thị phạm, thuyết trình,...	- Giảng LT:TL nhóm, Seminar - Giảng TH:	- Giảng LT:TL nhóm, Seminar - Giảng TH:	Giảng LT:TL nhóm, Seminar Giảng TH:
VI. Phương pháp kiểm tra đánh giá					
- Điểm ĐK - Điểm thi cuối kỳ -Tốt nghiệp	- Điểm định kỳ - Điểm cuối kỳ -Tốt nghiệp	- Điểm định kỳ - Điểm cuối kỳ	- Điểm ĐK - Điểm cuối kỳ -Tốt nghiệp	- Điểm ĐK - Điểm cuối kỳ -Tốt nghiệp	- Điểm ĐK - Điểm cuối kỳ -Tốt nghiệp

3.3. TỔNG HỢP PHÂN TÍCH TÀI LIỆU

12/28/2022

15

Tiếp cận CTĐT XNYH tại Việt Nam

1. Chuẩn đầu ra và CTĐT cử nhân KTXNYH của trường Đại học Y Hà Nội năm 2022.
2. Chuẩn đầu ra và CTĐT cử nhân KTXNYH của Trường đại học Y Dược thành phố Hồ Chí Minh năm 2018
3. Chuẩn đầu ra và CTĐT trình độ đại học KTXNYH của Trường đại học Quốc Gia Hà Nội năm 2019
4. Chuẩn đầu ra và CTĐT cử nhân KTXNYH của Trường Đại học Y Dược, Đại học Huế năm 2020
5. Chuẩn đầu ra và CTĐT cử nhân KTXNYH của Trường Đại học Y Dược Hải Phòng năm 2020

3.3. TỔNG HỢP PHÂN TÍCH TÀI LIỆU

ĐHYHN	ĐHYHCM	ĐHYD HP	ĐHYD Huế	ĐH QGHN	Dự kiến Chuẩn CTĐ
I. Mục tiêu					
vận dụng chính sách và pháp luật y tế, có phẩm chất đạo đức, có khả năng áp dụng KT và kỹ năng nền tảng về XNYH...	có kiến thức nền tảng về YHCS, kiến thức CN, có khả năng thực hiện được các KTXN.	có Y đức, có kiến thức KHCB, YHCS, kiến thức về kỹ năng về CM nghiệp vụ ngành học,...	có kiến thức KHCB, YHCS, kiến thức về kỹ năng về CM nghiệp vụ,...	có Y đức, có kiến thức KHCB vững chắc, có KT và KN ở bậc đại học, làm chủ được KTCM,...	- chuẩn mục có kiến thức toàn diện về KTXNYH, NL thực hành NN cơ bản và chuyên sâu
II. Chuẩn đầu ra					
18	21	26	12	8 (Nhóm CDR)	7
III. Cấu trúc CTDH					
Theo các khối KT: -Số lượng TC:- Tên các HP					
164 (87,5, 76,5)	140 (89,51)	129 (68,61)	133 (72,61)	125 (81,44)	120 (54,72)
IV. Kế hoạch học tập					
8 kỳ chính/4 năm (Kèm các HK phụ)	8 kỳ chính/4 năm (Kèm các HK phụ)	8 kỳ chính/4 năm (Kèm các HK phụ)	8 kỳ chính/4 năm (Kèm các HK phụ)	8 kỳ chính/4 năm (Kèm các HK phụ)	8 kỳ chính/4 năm (Kèm các HK phụ)
V. Phương pháp học tập					
- Giảng LT: - Giảng TH:	- Giảng LT: - Giảng TH:	- Giảng LT: - Giảng TH:	- Giảng LT: - Giảng TH:	- Giảng LT: - Giảng TH:	Giảng LT: Giảng TH:
VI. Phương pháp kiểm tra đánh giá					
- Điểm ĐK - Điểm cuối kỳ - Tốt nghiệp	- Điểm định kỳ - Điểm cuối kỳ - Tốt nghiệp	- Điểm ĐK - Điểm cuối kỳ - Tốt nghiệp	- Điểm ĐK - Điểm cuối kỳ - Tốt nghiệp	- Điểm ĐK - Điểm cuối kỳ - Tốt nghiệp	- Điểm ĐK - Điểm cuối kỳ - Tốt nghiệp

Tiếp cận CTĐT XNYH tại Việt Nam

4. KHẢO SÁT CÁC BÊN LIÊN QUAN

4. KHẢO SÁT Ý KIẾN CỦA CÁC BÊN LIÊN QUAN

4.1. ĐỐI TƯỢNG: 105

Miền Bắc:

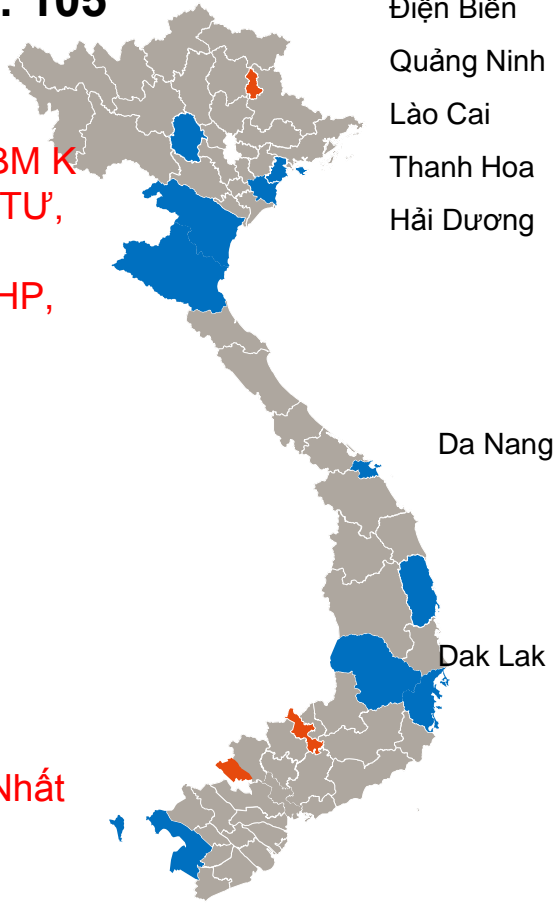
- V 108, Việt Đức, BM K, 103, Vt, UB, Nhi TƯ, E, HHTM,...
- Thanh Nhân, Nhi HP, ĐKQTHP,...
-

Miền Trung

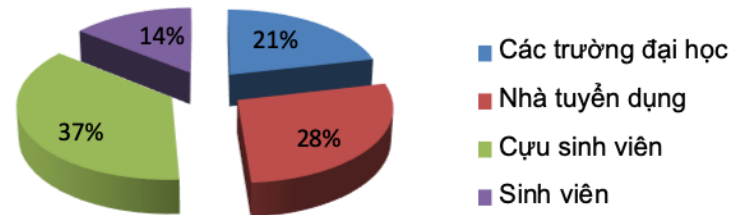
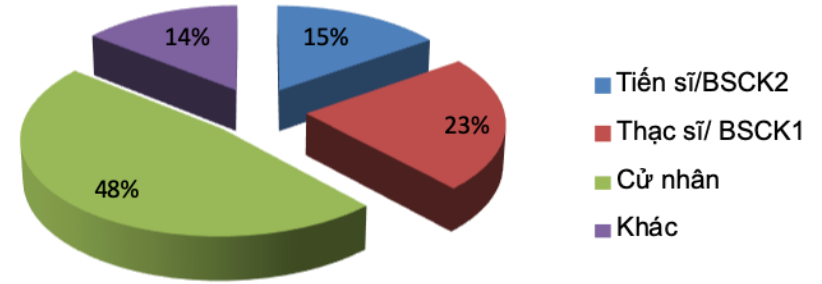
- Hà Tĩnh
- Nghệ Na
- Đà Nẵng

Miền Nam

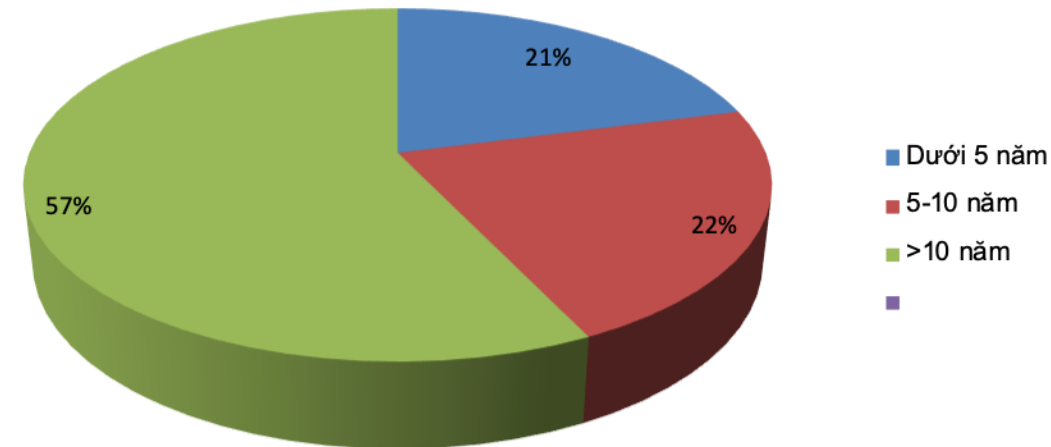
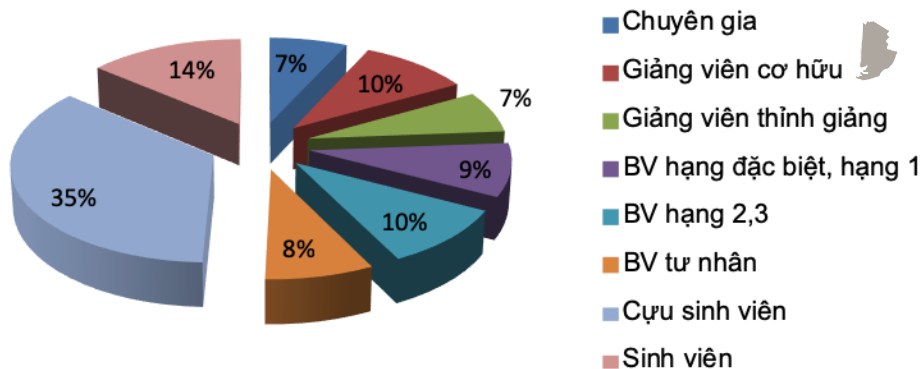
- Chợ Rẫy, Thống Nhất
- Đồng Nai
- 175, Vũng Tàu
- Can Tho



3 hội NN, 10 trường ĐH, 2 BV hạng ĐB, 13 BV hạng 1, 13 BV hạng 2; 8 Bv hạng 3, 9 BV tư



thời gian công tác



4. KHẢO SÁT Ý KIẾN CỦA CÁC BÊN LIÊN QUAN

4.2. Phiếu khảo sát

Mã số phiếu:

PHIẾU THU THẬP THÔNG TIN NỘI DUNG CHUẨN CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CỬ NHÂN XNYH

Ý kiến của quý ông (bà) sẽ được sử dụng duy nhất vào mục đích nghiên cứu và được giữ bí mật. Rất mong sự hợp tác quý ông (bà) và xin chân thành cảm ơn!

Ngày thu thập thông tin:/...../.....
Phương pháp thu thập thông tin: Điện thoại Email Phòng vấn trực tiếp

Phần 1- Thông tin chung về cá nhân cung cấp thông tin

- Họ và tên:.....
- Năm sinh:..... Giới tính: Nam Nữ
- Trình độ học vấn: Tiến sĩ Thạc sĩ Cử nhân Khác
- Nghề nghiệp:.....Chức vụ (nếu có):.....
- Điện thoại:.....Email:.....
- Đơn vị công tác:.....
- Địa chỉ
- Điện thoại:.....Email:.....

Phần 2 - ĐÁNH GIÁ VỀ MỤC TIÊU CTĐT

Quý ông/bà đánh giá như thế nào về mức độ phù hợp của mục tiêu đào tạo chung trong chương trình đào tạo ngành thuật xét nghiệm y học? (Khoanh tròn vào mức độ lựa chọn 1. Không phù hợp. - 2. Phù hợp 1 phần (cần chỉnh sửa). - 3. Phù hợp).

1. Mục tiêu chung

TT	Mục tiêu chung	Mức độ phù hợp
	Đào tạo cử nhân KTXNYH chuẩn mực, có kiến thức toàn diện về KTXNYH, có năng lực thực hành nghề nghiệp cơ bản và chuyên sâu theo tiêu chuẩn đạo đức nghề nghiệp và pháp luật hiện hành để thực hiện các nhiệm vụ của chuyên ngành KTXNYH trong môi trường đa dạng, đáp ứng nhu cầu chăm sóc và bảo vệ sức khỏe nhân dân, phát triển nghề nghiệp để có thể trở thành nhà khoa học nghiên cứu hoặc ứng dụng về lĩnh vực xét nghiệm lâm sàng hoặc các ngành khoa học sức khỏe khác.	① <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/>

Đề xuất thay đổi, bổ sung (nếu có)
.....

Mã số phiếu:

12/28/2022

19

PHIẾU THU THẬP THÔNG TIN VỀ ĐIỀU KIỆN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CN KỸ THUẬT XÉT NGHIỆM Y HỌC

Ý kiến của quý ông (bà) sẽ được sử dụng duy nhất vào mục đích nghiên cứu và được giữ bí mật. Rất mong sự hợp tác quý ông (bà) và xin chân thành cảm ơn!

Ngày thu thập thông tin:/...../.....
Phương pháp thu thập thông tin: Điện thoại Email Phòng vấn trực tiếp

Phần 1- Thông tin chung về cá nhân cung cấp thông tin

- Họ và tên:.....
- Năm sinh:..... Giới tính: Nam Nữ
- Trình độ học vấn: Tiến sĩ Thạc sĩ Cử nhân Khác
- Nghề nghiệp:.....Chức vụ (nếu có):.....
- Điện thoại:.....Email:.....
- Đơn vị công tác:.....
- Địa chỉ
- Điện thoại:.....Email:.....

Phần 2 - ĐÁNH GIÁ VỀ ĐIỀU KIỆN THỰC HIỆN CTĐT

Quý ông/bà đánh giá như thế nào về mức độ cần thiết của các kiến thức, kỹ năng và năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm sau đây đối với sinh viên tốt nghiệp ngành Kỹ thuật Xét nghiệm Y học? (Khoanh tròn vào mức độ lựa chọn: **Cần thiết:** 1. Không cần

4. KHẢO SÁT Ý KIẾN CỦA CÁC BÊN LIÊN QUAN

4.3. KẾT QUẢ

NỘI DUNG CHUẨN CTĐT

TT	NỘI DUNG	Mức độ cần thiết		Mức độ phù hợp	
		Cần thiết	Rất cần thiết	Phù hợp 1 phần	Phù hợp
1	Mục tiêu			2,97	96,04
	Mục tiêu chung			2,97	96,04
	Mục tiêu cụ thể 1			6,93	90,10
	Mục tiêu cụ thể 2			6,93	92,08
	Mục tiêu cụ thể 3			1,98	97,03
	Mục tiêu cụ thể 4				
2	Chuẩn đầu ra CTĐT				
	LO1	1.98	98.02	1.98	98.02
	- LO1.1	4.95	95.05	4.95	95.05
	- LO1.2	0.99	99.01	2.97	97.03
	- LO1.2	1.98	98.02	3.96	96.04
	- LO1.3	1.98	98.02	4.95	95.05
	LO2	1.98	98.02	2.97	97.03
	- LO2.1	0.00	100.00	1.98	98.02
	- LO2.2	1.98	98.02	0.99	99.01
	- LO2.3	3.96	96.04	4.95	95.05
	LO3	7.92	92.08	4.95	95.05
	- LO3.1	2.97	97.03	4.95	95.05
	- LO3.2	4.95	95.05	1.98	98.02
	LO4	7.92	92.08	3.96	96.04
	- LO4.1	11.88	87.13	4.95	95.05
	- LO4.2	9.90	90.10	6.93	93.07
	- LO4.3	2.97	97.03	9.90	90.10
	LO5	2.97	97.03	5.94	94.06
	- LO5.1	1.98	98.02	2.97	93.07
	- LO5.2	3.96	96.04	3.96	96.04
	- LO5.3	6.93	93.07	3.96	96.04
	LO6	7.92	92.08	6.93	93.07
	- LO6.1	4.95	95.05	5.94	94.06
	- LO6.2	13.86	82.18	12.87	85.15
	- LO6.3	5.94	94.06	3.96	96.04
	- LO6.4	1.98	98.02	3.96	96.04
	LO7	1.98	98.02	3.96	96.04
	- LO7.1	0.99	98.02	4.95	94.06
	- LO7.2	0.00	100.00	3.96	96.04

4. KHẢO SÁT Ý KIẾN CỦA CÁC BÊN LIÊN QUAN

4.3. KẾT QUẢ

**NỘI
DUNG
CHUẨN
CTĐT**

TT	Khối lượng học tập	Số tín chỉ (Tối thiểu)			Mức độ cần thiết		Mức độ phù hợp	
		Tổng	LT	TH	Ít cần thiết	Cần thiết	Phù hợp 1 phần	Phù hợp
1	Khối kiến thức GD ĐC	19	17	2	17.82	81.19	20.79	78.22
1.1	<i>Kiến thức chung</i>	14	14	0	12.87	86.14	14.85	84.16
1.2	<i>Kiến thức CS khối ngành</i>	5	3	2	4.95	94.06	6.93	92.08
2	Kiến thức GD chuyên ngành	101	37	64	9.9	89.1	10.89	88.12
2.1	<i>Kiến thức cơ sở ngành</i>	19	13	6	4.95	95.05	2.97	97.03
2.2	<i>Kiến thức chuyên ngành</i> <i>Xét nghiệm</i>	82	24	58	1.98	98.02	2.97	97.03
	- Bắt buộc	65	21	44	2.97	97.03	2.97	97.03
	- Tự chọn	9	3	6	6.93	93.07	7.92	92.08
	- Tốt nghiệp	8	0	8	1.98	98.02	2.97	97.03
Tổng cộng		120	54	66	3.96	96.04	3.96	96.04

4. KHẢO SÁT Ý KIẾN CỦA CÁC BÊN LIÊN QUAN

4.3. KẾT QUẢ

NỘI DUNG CHUẨN CTĐT

TT	Học phần	Số tín chỉ (Tối thiểu)			Mức độ cần thiết		Mức độ phù hợp	
		Tổng	LT	TH	ít cần thiết	Cần thiết	Phù hợp 1 phần	Phù hợp
1	Lý luận Mác - Lênin và tư tưởng Hồ chí Minh	11	11	0	14.85	83.17 ^{12/28/2022}	20.79	77.23 ²²
2	Triết học Mác- Lênin	3	3	0	23.76	73.27	19.80	76.24
3	Kinh tế chính trị Mác- Lênin	2	0	0	25.74	70.30	25.74	70.30
4	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2	0	24.75	71.29	24.75	71.29
5	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2	0	18.81	79.21	17.82	79.21
6	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2	2	0	18.81	79.21	20.79	76.24
7	Pháp luật	1	1	0	13.86	84.16	14.85	82.18
8	Ngoại ngữ - Tin học	2	2	0	6.93	91.09	7.92	90.10
9	Giáo dục thể chất	3	0	3	19.80	77.23	21.78	74.26
10	Giáo dục quốc phòng - An ninh	165 tiết			19.80	77.23	21.78	74.26
11	Khoa học cơ bản (Toán, Sinh học, Lý, hóa)	3	2	1	14.85	83.17	13.86	86.14
12	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	1	1	7.92	91.09	6.93	93.07
13	Phát triển nghề nghiệp bản thân-KN mềm	2	1	1	5.94	94.06	5.94	94.06
14	Tâm lý y học – Đạo đức nghề nghiệp	1	1	0	3.96	96.04	3.96	96.04
15	Giải phẫu	3	1	2	3.96	96.04	3.96	96.04
16	Sinh lý	2	1	1	2.97	97.03	3.96	96.04
17	Sinh lý bệnh - Miễn dịch	2	2	0	3.96	96.04	2.97	97.03
18	Dược cơ sở	2	2	0	8.91	91.09	2.97	90.10
19	Điều dưỡng cơ bản - cấp cứu ban đầu	2	1	1	6.93	92.08	9.90	90.10
20	DT-TCYT-SKNCSK	3	2	1	6.93	93.07	9.90	93.07
21	Bệnh học Nội - Ngoại khoa	2	2	0	7.92	92.08	6.93	93.07
22	ATPXN-XNCB-CNK	65	21	44	1.98	98.02	2.97	97.03
23	HHTB (TB, ĐM, TM)	3	2	1	2.97	97.03	3.96	96.04
24	HS(Cấu tạo và chuyển hoá, Mô CQ, LS)	12	4	8	1.98	98.02	2.97	97.03
25	VS(ĐC, GB, LS)	12	4	8	1.98	98.02	1.98	98.02
26	KST(ĐC, GS, đơn bào, nấm-TT)	5	2	3	0.99	98.02	2.97	96.04
27	XNTB(TBMBH, XNTB)	5	2	3	2.97	97.03	0.99	99.01
28	Y sinh học phân tử	4	1	3	1.98	98.02	0.99	98.02
29	QLCLXN	4	2	2	0.99	99.01	1.98	98.02
30	Thực tập lâm sàng kỹ thuật xét nghiệm	8	0	8	1.98	98.02	0.99	99.01
31	Tự chọn	12	4	8	5.94	94.06	0.00	2.97
32	HHnâng cao	3	1	2	3.96	96.04	4.95	95.05
33	HSnâng cao	3	1	2	3.96	96.04	3.96	96.04
34	VSKST nâng cao	5	2	3	3.96	96.04	3.96	96.04
35	XNTBnâng cao	3	1	2	7.92	92.08	6.93	92.08
36	VS nấm thực phẩm	5	2	3	3.96	96.04	2.97	97.03
37	BLTB máu	3	1	2	4.95	95.05	2.97	97.03
38	Ngoại khoá	2 tuần			4.95	95.05	2.97	97.03
39	Tốt nghiệp	8	0	8	3.96	96.04	0.99	99.01
40	Tổng số	120	56	64	3.96	96.04	3.96	96.04

4. KHẢO SÁT Ý KIẾN CỦA CÁC BÊN LIÊN QUAN

4.3. KẾT QUẢ

NỘI DUNG CHUẨN CTĐT

TT	Ý kiến về các nội dung trong chuẩn CTĐT
1	Mục tiêu: <ul style="list-style-type: none">- MT1 nên thêm y học chứng cứ, MT3 nên là HTQLCLXN- Nên thêm mục tiêu về kỹ năng mềm
2	Chuẩn đầu ra: <ul style="list-style-type: none">- Thực hành thành thạo CM XN cần cụ thể hơn nhóm XN nào và tương ứng DMKT của BV cấp mấy vì nếu XN chung là rất nhiều và nhiều lĩnh vực chuyên sâu, chưa phù hợp với cử nhân;- Một số năng lực trùng lặp của QLCL PXN với các LO5 như: mất an toàn trong môi trường làm việc để sắp xếp, bố trí PXN đảm bảo an toàn và hỗ trợ các hoạt động kiểm soát nhiễm khuẩn trong bệnh viện.- LO6: có khả năng hệ thống các kiến thức đã học áp dụng vào thực tiễn, khả năng critical thinking- Tập trung về QLCLXN trên thực tế lâm sàng tại BV.- Kỹ năng tự học hỏi, tìm tòi nâng cao chuyên môn, thái độ; phòng thái bình tĩnh, tự tin để tiếp nhận và giải quyết mọi vấn đề phát sinh.- SV sau khi tốt nghiệp cần có kỹ năng giao tiếp 2
3	Về khung CTĐT (tối thiểu) <ul style="list-style-type: none">- Nên giảm số tín chỉ các học phần đại cương trong khung chương trình- Học sâu hơn về chuyên ngành như môn huyết và vi sinh, ký sinh trùng- Tăng thêm thời gian đi thực tập ở các bệnh viện- Bổ sung học phần di truyền sinh học phân tử cơ bản.
4	Về các học phần trong CTĐT <ul style="list-style-type: none">- Không nên để các học phần 1 tín chỉ, nên ghép lại thành tối thiểu 2 tín chỉ theo quy định BGD;- Nên bổ sung ngoại ngữ thành 6-8 tín chỉ để SV có năng lực ngoại ngữ đáp ứng với nghiên cứu tài liệu và phát triển nghề nghiệp:- "Dược cơ sở" nên chỉnh thành dược lý;

4. KHẢO SÁT Ý KIẾN CỦA CÁC BÊN LIÊN QUAN

4.3. KẾT QUẢ

ĐIỀU KIỆN THỰC HIỆN CHUẨN CTĐT

TT	Nội dung	Mức độ phù hợp			
		Không phù hợp	Phù hợp 1 phần	Phù hợp	
1	Điều kiện về cơ sở vật chất				
	Có CSVC, TB, TV, GT	0.95	14.29	84.76	
	Có đủ phòng học, phòng TN, và TTB tương ứng	0.95	16.19	82.86	
	Có hợp đồng nguyên tắc	1.90	10.48	87.62	
	Có thư viện truyền thống và thư viện điện tử	1.90	11.43	86.67	
	Có trang thông tin điện tử	1.90	10.48	87.62	
	Các yêu PTN,:				
	+ Phòng TH sinh học và di truyền	0.95	14.29	84.76	
	+ Phòng TH lý sinh	0.95	19.05	80.00	
	+ Phòng TH hoá học	0.95	12.38	86.67	
	+ Phòng TH Giải phẫu- sinh lý	0.95	13.33	85.71	
	+ Phòng TH điều dưỡng cơ bản	0.95	13.33	85.71	
	+ Phòng TH Xét nghiệm tế bào	0.95	11.43	87.62	
	+ Trung tâm tiền lâm sàng: (6 Phòng TH CM)	0.95	8.57	90.48	
	Diện tích các PXN tối thiểu 20 m ² , TTB đủ.	0.95	13.33	85.71	
2	Điều kiện về đội ngũ				
	trình độ thạc sĩ, trợ giảng có trình độ đại học	0.95	6.67	92.38	
	Có ít nhất 01 tiến sĩ ngành phù hợp	1.90	8.57	89.52	
	Có ít nhất 05 tiến sĩ có chuyên môn phù hợp là giảng viên cơ hữu	5.71	23.81	70.48	
	Giảng dạy thực hành: GVCH và GV thỉnh giảng	1.90	12.38	85.71	
	GV thực hành chuyên môn phải có CCHN KCB,	0.95	11.43	87.62	
	Đủ SLGV để đảm bảo tỉ lệ SV/GV 15 sinh viên/giảng viên	1.90	10.48	87.62	
	GVCH có TĐ TS chiếm 10%	2.86	14.29	82.86	
	3	Điều kiện khác			
		Cơ sở đào tạo đã có đơn vị chuyên môn cấp khoa hoặc tương đương	0.95	10.48	88.57
	Cơ sở đào tạo phải đáp ứng các yêu cầu, điều kiện để sẵn sàng chuyển sang dạy học trực tuyến	2.86	21.90	75.24	

4. KHẢO SÁT Ý KIẾN CỦA CÁC BÊN LIÊN QUAN

4.3. KẾT QUẢ

ĐIỀU
KIỆN
THỰC
HIỆN
CHUẨN
CTĐT

TT	Ý kiến điều kiện đảm bảo CTĐT
1	<p>Về điều kiện cơ sở vật chất</p> <p>(1) Luôn cập nhật trang thiết bị và kiến thức mới nhất ở trong và ngoài nước</p> <p>(2) Cần việc thiết kế và tổ chức PTN linh động và đa dạng tại các đơn vị đào tạo. Không nhất định phải có tên phòng thực hành như trên mà chỉ cần có thiết bị, điều kiện học tập đủ cho các lĩnh vực.</p> <p>(3) Đảm bảo điều kiện phòng XN an toàn sinh học cấp I, II</p> <p>(4) Phải có những máy móc, trang thiết bị chuyên ngành (hoá sinh, huyết học, vi sinh) phù hợp với các bệnh viện, trung tâm để việc đào tạo được sát với thực tế.</p> <p>(5) Cần phải có danh mục TTB thực hành đảm bảo mức tối thiểu cho 4 lĩnh vực: Vi sinh - Ký sinh trùng; Hóa sinh; Huyết học- truyền máu, Y sinh học phân tử</p> <p>(6) Cần nâng cấp nhiều kỹ thuật xét nghiệm</p>
2	<p>Về điều kiện Giảng viên</p> <p>(1) Các giảng viên nên là những người đang công tác hoặc có làm việc tại các cơ sở y tế để việc giảng dạy được bám sát với thực tế, tránh hiện tượng giảng viên trên trường dạy một đường còn các giảng viên cơ hữu ở bệnh viện lại dạy theo một quy trình khác, gây bối rối cho sinh viên</p> <p>(2) Cần trình độ lên Tiến sĩ nhiều hơn</p> <p>(3) Trình độ Ths trở lên</p>
3	<p>Về điều kiện khác</p> <p>(1) Câu số 2 trong phần Điều kiện khác đã trùng phần Điều kiện về đội ngũ</p> <p>(2) Giảng viên có trình độ tiến sĩ còn hạn chế</p> <p>(3) Để đảm bảo công tác đào tạo CN KT XN cần có đội ngũ giảng viên tâm huyết, yêu nghề và có kinh nghiệm trong giảng dạy thực hành kết hợp lý thuyết</p>

12/28/2022

25

**PHẦN 2. DỰ THẢO CHUẨN
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
KỸ THUẬT XÉT NGHIỆM Y HỌC
TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC**

CÁC NỘI DUNG CỦA CHUẨN CTĐT CN KTXNYH

1

• THÔNG TIN CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

2

• MỤC TIÊU ĐÀO TẠO

3

• CHUẨN ĐẦU RA

4

• CHUẨN ĐẦU VÀO, QUÁ TRÌNH ĐÀO TẠO VÀ YÊU CẦU TỐT NGHIỆP

5

• KHỐI LƯỢNG HỌC TẬP

6

• CẤU TRÚC VÀ NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH DẠY HỌC

7

• PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC VÀ PHƯƠNG PHÁP KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ

8

• HƯỚNG DẪN CHƯƠNG TRÌNH

9

• CẢI TIẾN, NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG DẠY HỌC

10

• ĐIỀU KIỆN TỐI THIỂU THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

THÔNG TIN CHUNG CTĐT

12/28/2022

28

**Tên chương
trình**

**Ngành, mã
ngành, chuyên
ngành đào tạo
(nếu có)**

**Tên bằng, Đơn
vị cấp bằng**

**Trình độ đào
tạo**

**Hình thức đào
tạo**

**Số tín chỉ:
Thời gian đào
tạo**

**Thời gian điều
chỉnh chương
trình đào tạo**

**Vị trí việc làm
sau tốt nghiệp**

MỤC TIÊU

- Mục tiêu chung: Đào tạo CNXNYH **chuẩn mực**, có kiến thức **toàn diện** về KTXNYH, có **NL TH NN cơ bản và chuyên sâu** trong môi trường đa dạng, đáp ứng nhu cầu CS và BVS-KND, **phát triển nghề nghiệp** để có thể trở thành **nhà khoa học nghiên cứu hoặc ứng dụng** về lĩnh vực XN lâm sàng hoặc các ngành khoa học sức khỏe khác

1

Vận dụng kiến thức và kỹ năng cốt lõi về KHCB, YHCS, các nguyên lý của KH XN trong công tác XN bao gồm thực hiện, phiên giải và báo cáo KQXN

2

Ứng dụng các bằng chứng KH, TH, NN, các kỹ năng giao tiếp, lãnh đạo và quản lý chuyên nghiệp, NCKH nhằm nâng cao CLDVXN và phát triển nghề nghiệp

3

Tổ chức, quản lý bao gồm cả QLCLXN để giải quyết các vấn đề thuộc XN, thực hành thành thạo KTKT thường quy

4

Tuân thủ các quy định về đạo đức, trách nhiệm nghề nghiệp, đóng góp vào môi trường học thuật bằng NL làm chủ bản thân, làm việc độc lập, làm việc nhóm, tự học đáp ứng công việc.

NỘI DUNG CỦA CHUẨN CTĐT CN KTXNYH

CHUẨN ĐẦU RA

1

Ứng dụng các kiến thức KHCB, YHCS, bệnh học và chuyên ngành các lĩnh vực XN, QLCL và ATPXN trong thực hành KTXNYH (3 tiêu chí đánh giá)

2

Năng lực thực hành thành thạo chuyên môn Xét nghiệm (3 tiêu chí đánh giá)

3

Tham gia vào hệ thống QLCLXN và đảm bảo an toàn trong quá trình thực hiện công tác XN trên bằng chứng khoa học (2 tiêu chí đánh giá)

4

Giao tiếp, tư vấn cho người bệnh và cộng đồng trong lĩnh XN lấy người bệnh làm trung tâm (4 tiêu chí đánh giá)

5

Thiết lập môi trường làm việc an toàn, hiệu quả; Phối hợp và làm việc nhóm. (3 tiêu chí đánh giá)

6

Phát triển nghề nghiệp (4 tiêu chí đánh giá)

7

Hành nghề theo quy định pháp luật và tiêu chuẩn đạo đức nghề nghiệp. (7 tiêu chí đánh giá)

CÁC NỘI DUNG CỦA CHUẨN CTĐT CN KTXNYH

MA TRẬN ĐÓNG GÓP MỤC TIÊU, CHUẨN ĐẦU RA CTĐT VÀ CÁC HỌC PHẦN

Mục tiêu CTĐT (PO)	Chuẩn đầu ra CTĐT (ELOs)						
	1	2	3	4	5	6	7
PO 1	3	2	1	3	2	2	2
PO 2	1	3	2	2	2	3	1
PO 3	2	2	3	1	3	2	2
PO 4	3	3	2	3	1	2	2

Ghi chú: (-): Không đáp ứng; (1): Đáp ứng thấp; (2): Đáp ứng trung bình; (3): Đáp ứng chặt chẽ.

CÁC NỘI DUNG CỦA CHUẨN CTĐT CN KTXNYH

4. CHUẨN ĐẦU VÀO, QUÁ TRÌNH ĐÀO TẠO VÀ YÊU CẦU TỐT NGHIỆP

4.1

Chuẩn đầu vào

Đối tượng tuyển sinh: Tất cả thí sinh đã tốt nghiệp THPT hoặc tương đương.
Phương thức tuyển sinh: Tùy thuộc từng đơn vị theo quy định của Bộ GD và ĐT

4.2

Quá trình đào tạo

- QC theo TC.
- CTĐT thiết kế 8 HK/4 năm, kèm các HK phụ, tối thiểu 120 TC. (TT 3 năm và TĐ là 6 năm).
- Việc đk HP bảo đảm điều kiện tiên quyết

4.3

Yêu cầu tốt nghiệp
8 điều kiện (TT08/2021)

CÁC NỘI DUNG CỦA CHUẨN CTĐT CN KTXNYH

5. KHỐI LƯỢNG HỌC TẬP

Khối lượng học tập	Số tín chỉ (Tối thiểu)			Tỷ lệ (%)	Ghi chú
	Tổng	LT	TH	Tối thiểu	
1. Khối kiến thức Giáo dục đại cương	19	17	2	15,83	
1.1. Kiến thức chung	14	14	0	11,67	
- Lý luận Mác - Lênin và TT HCM	11	11	0		Theo CV3056/2019
- Pháp luật và tổ chức y tế	1	1	0		
- Ngoại ngữ - Tin học	2	2	0		
- Giáo dục thể chất	3	0	3		
- Giáo dục QP - An ninh (165 tiết)					
1.2. Kiến thức cơ sở khối ngành	5	3	2	4,17	
2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	101	37	64	84,17	
2.1. Kiến thức cơ sở ngành	19	13	6	15,83	
2.2. Kiến thức chuyên ngành Xét nghiệm	82	24	58	68,33	
- Bắt buộc	65	21	44	54,17	
- Tự chọn	9	3	6	7,5	
- Tốt nghiệp	8	0	8	6,67	
Tổng cộng	120	54	66	100	

- Khối lượng kiến thức tối thiểu toàn khóa học: 120 tín chỉ
- Khối lượng các môn học đại cương tối thiểu: 19 tín chỉ chiếm khoảng 16%
- Khối lượng các môn học chuyên nghiệp tối thiểu: 101 tín chỉ chiếm khoảng 84%
- Tỷ lệ lý thuyết toàn bộ chương trình tối thiểu: 54 tín chỉ chiếm 45 %
- Tỷ lệ thực hành, làm sà ng tối thiểu: 66 tín chỉ chiếm 55%
- Tỷ lệ các môn tự chọn tối thiểu: 9 tín chỉ chiếm 7,5%

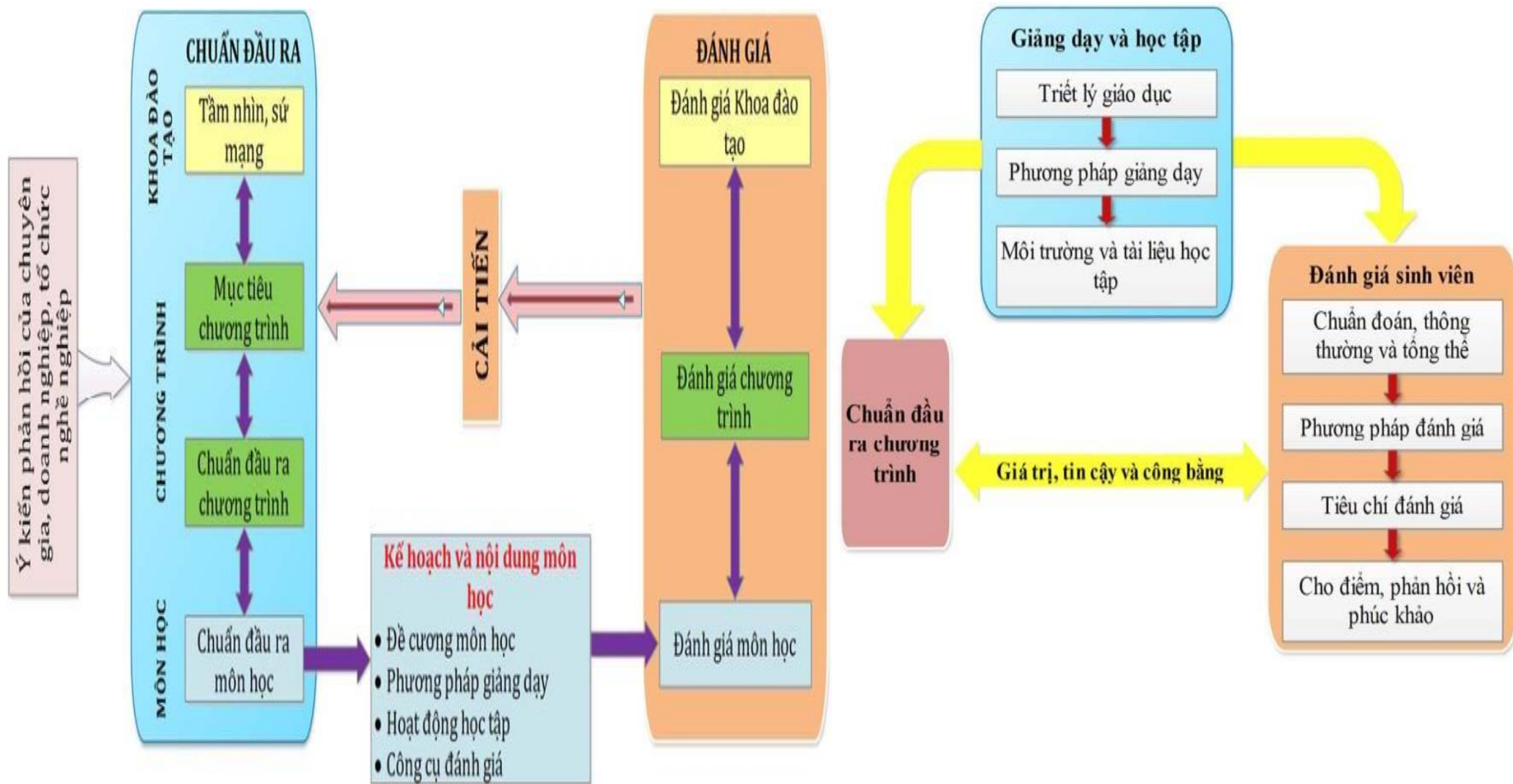
CÁC NỘI DUNG CỦA CHUẨN CTĐT CN KTXNYH

CẤU TRÚC VÀ NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH DẠY HỌC, MA TRẬN CÁC HP ĐÁP ỨNG CĐR

TT	Môn học	Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo							Tổng CĐR đáp ứng
		1	2	3	4	5	6	7	
1. KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG									
1.1	Kiến thức chung								
1.	Triết học Mác- Lênin	2			1	1	1	2	5
2.	Kinh tế chính trị Mác- Lênin	2			1	1	1	2	5
1.2.	Các môn cơ sở khối ngành KHSK								
3.	Nghiên cứu khoa học	2				1	1	1	4
4.	Khoa học cơ bản (Xác suất - Thống kê y học/ Sinh học/ Hóa học/ vật lý)	2		2			1	1	4
2. KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP									
2.1.	Kiến thức cơ sở ngành Xét nghiệm y học								
5.	Phát triển nghề nghiệp bản thân - Kỹ năng mềm	2				2	1	1	4
6.	Tâm lý y học - Đạo đức nghề nghiệp	2				2	1	1	4
7.	Dược cơ sở	2			2		1	1	4
8.	Dịch tễ học và các bệnh truyền nhiễm	2			2		1	1	4
	Tổ chức y tế - Chương trình y tế quốc gia	2			2		1	1	4
	Sức khỏe – Nâng cao sức khỏe	2			2		1	1	4
9.	Bệnh học Nội - Ngoại khoa	2			2		1	1	4
2.2.	Kiến thức chuyên ngành bắt buộc								
10.	An toàn PXN - Xét nghiệm cơ bản- CNKBV	2		3	1	1	3	2	5
11.	Hoá sinh	1	3	3	2	1	3	2	7
12.	Huyết học	1	3	3	2	1	3	2	7
13.	Vi sinh	1	3	3	2	1	3	2	7
14.	Ký sinh trùng	1	3	3	2	1	3	2	7
15.	Xét nghiệm tế bào	1	3	3	2	1	3	2	7
16.	Y sinh học phân tử	1	3	3	2	1	3	2	7
17.	Quản lý chất lượng xét nghiệm	1	3	3	2	1	3	2	7
18.	Thực tập lâm sàng kỹ thuật xét nghiệm	1	3	3	2	1	3	2	7
2.3	Kiến thức chuyên ngành tự chọn								
	Ngoại khóa (2 tuần)				1	2	2	1	4
19.	Tốt nghiệp	1	3	2	1	1	3	2	7

CÁC NỘI DUNG CỦA CHUẨN CTĐT CN KTXNYH

7. PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC VÀ PHƯƠNG PHÁP KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ



Mô tả tiếp cận giáo dục dựa trên chuẩn đầu ra

CÁC NỘI DUNG CỦA CHUẨN CTĐT CN KTXNYH

7.1. Phương pháp giảng dạy và học tập



CÁC NỘI DUNG CỦA CHUẨN CTĐT CN KTXNYH

7.2. Phương pháp kiểm tra và đánh giá

Chuyên cần

Thực tập

MCQ/TNKQ

CHỈ TIÊU LÂM
SÀNG/BÁO CÁO
HỌC TẬP

Kiểm tra viết

BÀI TẬP

Thực hiện
quy trình

Mô phỏng

Giải quyết vấn đề

Đánh giá
thuyết trình
nhóm

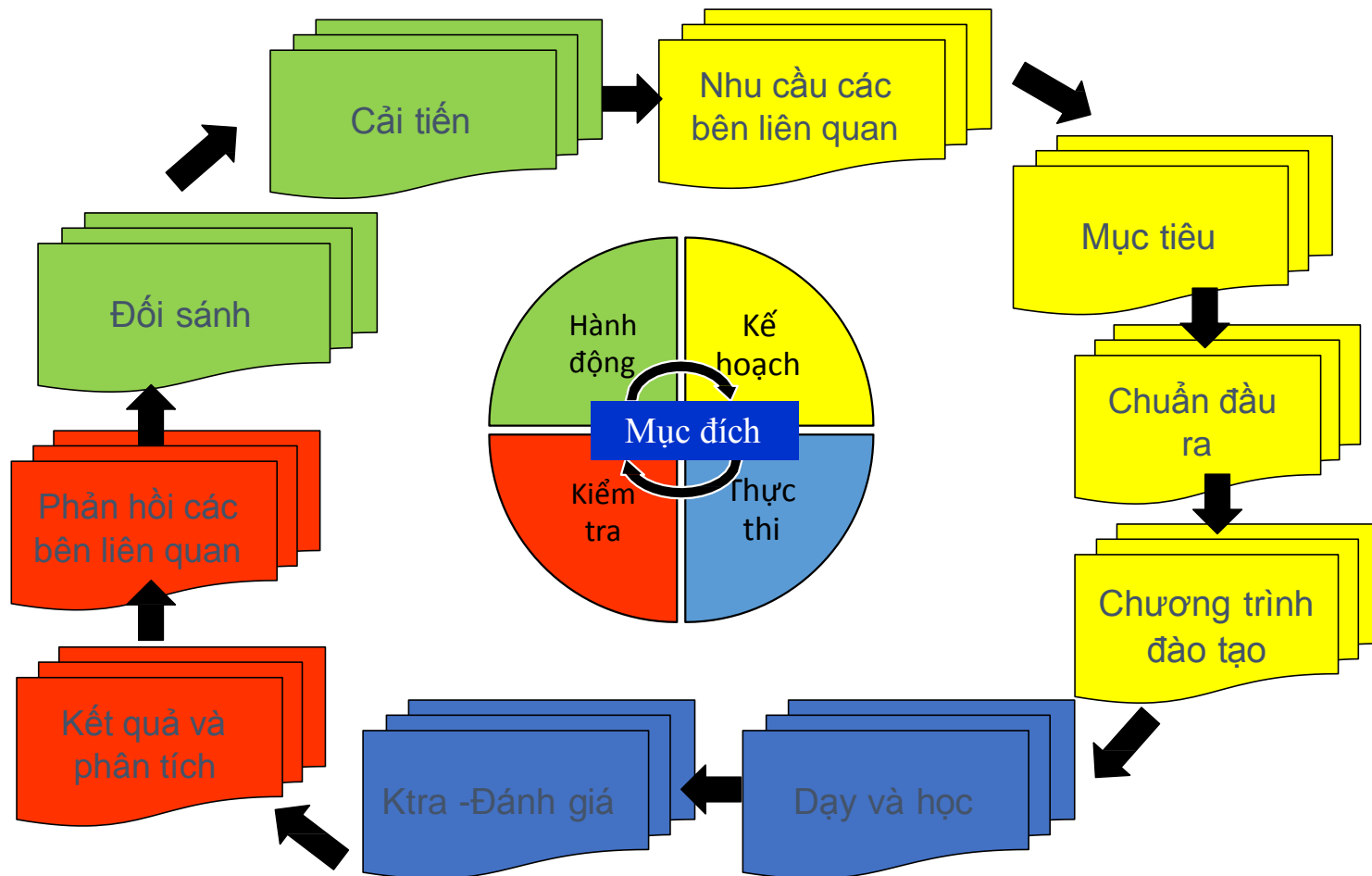
Bài tập về nhà

TT	Hình thức	Tiêu chí đánh giá	CDR của HP	Trọng số
1	Chuyên cần (Đánh giá ý thức học tập)	+ Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học. + Thời gian tham dự buổi học bắt buộc, vắng không quá 20% số tiết học. Tùy số tiết vắng, GV quyết định số điểm theo tỷ lệ vắng.	ELO1, ELO7,	5-15%
2	Đánh giá quá trình học tập	* Sinh viên làm một bài kiểm tra cá nhân. - Tiêu chí đánh giá bài kiểm tra (giảng viên nêu cụ thể) * Một bài báo cáo nhóm hoặc seminar hoặc bài tập lớn theo quy định của giảng viên phụ trách giảng dạy. - Tiêu chí đánh giá bài báo cáo, seminar, bài tập lớn (giảng viên nêu cụ thể)	ELO1, ELO2, ELO3, ELO4, ELO5, ELO6, ELO7	25-40%
3	Đánh giá kết thúc học phần	+ Thi kết thúc học phần + Hình thức thi tùy theo học phần cụ thể do giảng viên quyết định. + Tiêu chí đánh giá bài thi: Theo đáp án	ELO1, ELO2, ELO3, ELO4, ELO5, ELO6, ELO7	50-70%

CÁC NỘI DUNG CỦA CHUẨN CTĐT CN KTXNYH

8. HƯỚNG DẪN CHƯƠNG TRÌNH: Quy định CTĐT áp dụng từ năm nào? Khoa/BM tổ chức giảng dạy ntn?

9. CẢI TIẾN, NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG DẠY HỌC



CÁC NỘI DUNG CỦA CHUẨN CTĐT CN KTXNYH

10. ĐIỀU KIỆN TỐI THIỂU THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

TT	Nội dung
1	Điều kiện về cơ sở vật chất
	Có CSVC, TB, TV, GT
	Có đủ phòng học, phòng TN, và TTB tương ứng
	Có hợp đồng nguyên tắc
	Có thư viện truyền thống và thư viện điện tử
	Có trang thông tin điện tử
	Các yêu PTN: (12 phòng)
	+ Phòng TH sinh học và di truyền
	+ Phòng TH lý sinh
	+ Phòng TH hoá học
	+ Phòng TH Giải phẫu- sinh lý
	+ Phòng TH điều dưỡng cơ bản
	+ Phòng TH Xét nghiệm tế bào
	+ Trung tâm tiền lâm sàng: (6 Phòng TH CM)
	Diện tích các PXN tối thiểu 20 m ² , TTB đủ.
2	Điều kiện về đội ngũ
	Trình độ thạc sĩ, trợ giảng có trình độ đại học
	Có ít nhất 01 tiến sĩ ngành phù hợp
	Có ít nhất 05 tiến sĩ có chuyên môn phù hợp là giảng viên cơ hữu
	Giảng dạy thực hành: GVCH và GV thỉnh giảng
	GV thực hành chuyên môn phải có CCHN KCB,
	Đủ SLGV để đảm bảo tỉ lệ SV/GV 15 sinh viên/giảng viên
	GVCH có TĐ TS chiếm 10%
3	Điều kiện khác
	Cơ sở đào tạo đã có đơn vị chuyên môn cấp khoa hoặc tương đương
	Cơ sở đào tạo phải đáp ứng các yêu cầu, điều kiện để sẵn sàng chuyển sang dạy học trực tuyến

**CẢM ƠN QUÝ VỊ
ĐÃ LẮNG NGHE**

**BAN SOẠN THẢO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KỸ THUẬT Y TẾ HẢI DƯƠNG**